

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Số: 569/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày 23 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng công trình:
Đầu tư phát triển giống cây trồng - vật nuôi và khu thực nghiệm, ứng dụng khoa
học công nghệ, tỉnh Gia Lai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Điều 142, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định và phê duyệt dự án và thiết kế dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư công của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (nguồn ngân sách địa phương);

Căn cứ Văn bản số 1827/UBND-KT ngày 24/5/2017 của UBND tỉnh về việc thông báo danh mục và kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 221a/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng công trình: Đầu tư phát triển giống cây trồng - vật nuôi và khu thực nghiệm, ứng dụng khoa học công nghệ, tỉnh Gia Lai;

Xét đề nghị của Liên Sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 41/TTr-SNNPTNT-SKHHCN ngày 23/4/2018 về

việc đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án: Đầu tư phát triển giống cây trồng - vật nuôi và khu thực nghiệm, ứng dụng khoa học công nghệ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 23/TTr-SXD ngày 07/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đầu tư phát triển giống cây trồng - vật nuôi và khu thực nghiệm, ứng dụng khoa học công nghệ, tỉnh Gia Lai với những nội dung sau:

I. Nội dung điều chỉnh, bổ sung: Điều chỉnh, bổ sung Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9 Điều 1 Quyết định số 221a/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai:

1. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

STT	Quy mô theo Quyết định 221a/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	Quy mô điều chỉnh, bổ sung
I	7.1. Hợp phần 1: Đầu tư phát triển giống cây trồng - vật nuôi	
I.1	Phần xây dựng	
1	7.1.2. Giống vật nuôi	
1.1	7.1.2.1. Xã Ia Khươl - huyện Chư Păh:	
	c. Trồng cỏ thâm canh năng suất cao: Diện tích trồng cỏ S = 10ha.	c. Trồng cỏ thâm canh năng suất cao, trồng cỏ tự nhiên (bao gồm: trồng cỏ, hệ thống tưới nhỏ giọt, đài nước, giếng khoan, hàng rào): - Diện tích trồng cỏ thâm canh năng suất cao S = 5ha. - Diện tích trồng cỏ tự nhiên S=5ha
1.2	7.1.2.2. Thị trấn Đak Pơ - huyện Đak Pơ	
	d. Trồng cỏ thâm canh năng suất cao: Diện tích trồng cỏ S = 22ha	d. Trồng cỏ thâm canh năng suất cao (bao gồm: trồng cỏ, hệ thống tưới nhỏ giọt, đài nước, hàng rào): Diện tích trồng cỏ S = 6ha
1.3	7.1.2.3. Giống thủy sản - xã Bình Giáo - huyện Chư Prông	
	i. Tường chắn nước phía Tây Nam: L = 300 m; Xây tường rào kín bằng gạch, móng xây đá và gạch.	Không thực hiện

STT	Quy mô theo Quyết định 221a/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	Quy mô điều chỉnh, bổ sung
		I. Bổ sung thêm công vào: Cổng rộng 3,05m; cao 1,85m; trụ cổng xây gạch, cánh cổng làm bằng sắt
I.2	Phần thiết bị	
1	Trung tâm giống vật nuôi xã Ia Khuol - huyện Chư Păh và thị trấn Đak Pơ - huyện Đak Pơ	
	Tổng số bò cấp cho 2 trung tâm vật nuôi 200 con	Tổng số bò cấp cho 2 trung tâm 120 con
	Thiết bị máy cày đất	Máy kéo, máy cắt cỏ liên hợp, rơ moóc
2	Giống thủy sản - xã Bình Giáo - huyện Chư Prông	
		Bổ sung thiết bị Hệ thống công nghệ nuôi thủy sản tuần hoàn nước vào Khu sản xuất giống thủy đặc sản công nghệ cao, gồm: Hệ thống nuôi tuần hoàn, hệ thống ương từ cá bột sang cá giống, hệ thống ấp trứng
II	7.2. Hợp phần 2: Đầu tư khu thực nghiệm và ứng dụng khoa học và công nghệ	
II.1	Phần xây dựng	
	b. Nhà kính (05 nhà): DTXD (01 nhà): 1.000m²	b. Nhà kính (05 nhà): Tổng DTXD: 3.917m²
	c. Sân đường bê tông nội bộ: Diện tích 2.000m²	c. Sân đường bê tông nội bộ: Diện tích 3.160m²
	d. Cổng, tường rào: Dài L= 750m	d. Cổng, tường rào: Dài L= 960m
	g. Giếng khoan: sâu 140m, đường kính 220mm, ống chống bằng ống thép mạ kẽm.	h. Giếng khoan: sâu 140m, đường kính 140mm, ống chống bằng ống nhựa PVC
	h. Hệ thống cấp điện tổng thể và đường dây hạ thế 3P, hệ thống cấp - thoát nước tổng thể	h. Hệ thống cấp điện tổng thể và đường dây hạ thế 3P chiều dài L=250m; hệ thống cấp - thoát nước tổng thể
		i. Bổ sung Nhà lưới nông nghiệp: DTXD 1.497m²

STT	Quy mô theo Quyết định 221a/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	Quy mô điều chỉnh, bổ sung
		j. Bổ sung nhà xưởng: DTXD 500m ²
		k. Bổ sung Nhà bảo vệ: DTXD 16m ²
		l. Bổ sung Nhà để xe: DTXD 32m ²
II.2	Phân thiết bị	
		Bổ sung thiết bị cần thiết cho quy trình sản xuất chế phẩm gồm: - Thùng nhân giống môi trường xộp, dung tích 100 lít; - Thùng sản xuất chế phẩm, dung tích 500 lít; - Máy nghiền; - Thùng chứa chế phẩm đã nghiền thể tích 1.000 lít; - Hệ thống sấy chế phẩm 1.000 lít; - Hệ thống định lượng, đóng gói tự động từ 100-2.000g; - Máy hàn liên tục; - Máy đóng đai thùng.

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

DVT: triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Tổng mức đầu tư đã phê duyệt	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		
			Tổng cộng	Trong đó	
				Hợp phần 1	Hợp phần 2
1	Chi phí GPMB	1.000,0	-	-	-
2	Chi phí xây dựng	45.231,0	35.878,170	20.598,147	15.280,023
3	Chi phí thiết bị	22.955,0	28.086,442	11.118,200	16.968,242
4	Chi phí quản lý dự án	1.275,0	1.446,183	655,807	790,376
5	Chi phí tư vấn DTXD	3.549,0	3.915,153	2.233,034	1.682,119
6	Chi phí khác	3.115,0	2.674,052	1.394,812	1.279,240
7	Chi phí dự phòng	2.875,0	8.000,000	4.000,000	4.000,000
	Tổng cộng	80.000,0	80.000,000	40.000,000	40.000,000

3. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách trung ương: 36.000.000.000 đồng (Từ nguồn Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư)
- Ngân sách địa phương: 36.000.000.000 đồng.

4. Lý do điều chỉnh, bổ sung:

- Để nâng cao hiệu quả đầu tư, yêu cầu về sử dụng công trình và đảm bảo về cơ cấu dự phòng trong tổng mức đầu tư, phù hợp nguồn vốn trung hạn bố trí cho dự án.

- Do điều chỉnh giảm diện tích khu đất xây dựng khu thực nghiệm, ứng dụng khoa học công nghệ thuộc hợp phần 2;

- Bổ sung chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường vào tổng mức đầu tư dự án.

Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện: Chư Păh, Chư Prông, Đak Pơ, thành phố Pleiku và Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận: *MA*

- Như điều 2;
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT-CN XD.

CHỦ TỊCH



W. Ngọc Thành
Võ Ngọc Thành